

Bản án số: 398/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/11/2024

Về ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định, bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Mùi Nái- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 475/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 494/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1985. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Dubai.

Người được chị M ủy quyền giao, nhận văn bản: Chị **Trịnh Thanh H**, sinh năm 1998- Nhân viên của Công ty L- Chi nhánh H1. Địa chỉ: Số H N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các văn bản gửi cho Tòa án, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị M** trình bày: Chị và anh **Nguyễn Văn T** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 23/8/2005. Năm 2019, vợ chồng cùng đi lao động tại D và phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái, chi tiêu cho gia đình. Năm 2020, anh T về Việt Nam sinh sống còn chị vẫn ở lại D. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân

và không còn quan tâm đến nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T.

Chị với anh T có hai con chung là Nguyễn Văn T1- sinh ngày 14/6/2006 và Nguyễn Thị Cẩm V- sinh ngày 17/12/2007. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T phải đóng tiền nuôi con chung cùng chị.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, chị H đã thông báo cho chị M biết. Chị M giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày thống nhất với chị Nguyễn Thị M về thời gian, điều kiện kết hôn của vợ chồng. Năm 2019, vợ chồng cùng sang D làm việc nhưng việc làm ăn không hiệu quả nên khoảng 06 tháng sau thì vợ chồng cùng về Việt Nam sinh sống. Kể từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong xử lý các vấn đề của cuộc sống và kinh tế gia đình. Sau đó chị M quay lại D lao động dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhiều năm nhưng không có biện pháp đoàn tụ và không có sự chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh tự nguyện nhất trí ly hôn chị M.

Anh và chị M có hai con chung là Nguyễn Văn T1- sinh ngày 14/6/2006, Nguyễn Thị Cẩm V- sinh ngày 17/12/2007. Hiện cháu T1 đã thành niên nên không ai phải nuôi dưỡng. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V cho tới khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị M phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã tuân theo và chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của U. Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao con chung Nguyễn Thị Cẩm V- sinh ngày 17/12/2007 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Buộc chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị M hiện đang sinh sống tại D. Anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống tại xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và đều có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.3] Các tài liệu chị M gửi cho Tòa án đều được chứng thực hợp pháp nên có cơ sở xác định nội dung các tài liệu thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị M.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 23/8/2005. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của các đương sự phù hợp với nhau nên có căn cứ xác định cuộc sống chung giữa chị M và anh T không hòa hợp do khác biệt về quan điểm và cách xử lý các vấn đề phát sinh trong cuộc sống. Vợ chồng đã sống ly thân và không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình từ năm 2020 đến nay. Nhận thấy hôn nhân giữa chị M và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị M xin ly hôn anh T, anh T nhất trí ly hôn chị M nhưng vì các đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa nên cần xử cho chị M được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị M và anh T có hai con chung là Nguyễn Văn T1- sinh ngày 14/6/2006, Nguyễn Thị Cẩm V- sinh ngày 17/12/2007. Hiện cháu T1 đã thành niên và phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ nên không ai phải nuôi dưỡng. Yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V của các đương sự là chính đáng nhưng chị M hiện không có mặt ở Việt Nam nên không thể trực tiếp chăm sóc cho cháu V được. Thực tế cháu V đang ở cùng anh T và có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng anh T. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Anh T không yêu cầu chị M phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng anh là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V- sinh ngày 17/12/2007 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*do anh Nguyễn Thành Đ nộp thay*) theo biên lai số 0005155 ngày 02/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Nam Hưng, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thúy